Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8802.30.90

Mã HS	8802.30.90
Mô tả hàng hóa	Phương tiện bay khác (ví dụ, trực thăng, máy bay); trừ phương tiện bay không người lái thuộc nhóm 88.06; tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quĩ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ / - Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 2.000 kg nhưng không quá 15.000 kg: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 21:43:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/88023090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17753
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17753
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL2		BT2026!Q17753
Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	30%	66/2025/QH15	2025-06-14	BT2026!CG17753
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17069
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16998
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16998
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16998
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16998
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16998
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16998
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17054
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17054
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17054
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17054

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17054
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17054
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17055
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17055
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17055
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17055
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17055
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17055
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17060
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17016
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17012
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17012
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17012
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17012
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17012
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17012
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17058
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17058
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17058
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17058
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17058
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17058
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17120
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17120
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17120
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17120

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17120
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17120
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17096
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17096
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17096
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17096
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17096
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17096
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17091
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17091
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17091
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17091
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17091
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17091
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17121
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17121
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17121
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17121
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17121
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17121
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17120
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17120
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17120
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17120
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17120
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17120

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17214
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17214
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17214
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17214
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17214
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17214
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17214
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17083
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17083
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17083
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17083
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17083
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17083
RCEP B	2022	2022	0	B!D17083
RCEP B	2023	2023	0	B!E17083
RCEP B	2024	2024	0	B!F17083
RCEP B	2025	2025	0	B!G17083
RCEP B	2026	2026	0	B!H17083
RCEP B	2027	2027	0	B!I17083
RCEP C	2022	2022	0	C!D17081
RCEP C	2023	2023	0	C!E17081
RCEP C	2024	2024	0	C!F17081
RCEP C	2025	2025	0	C!G17081
RCEP C	2026	2026	0	C!H17081
RCEP C	2027	2027	0	C!I17081
RCEP D	2022	2022	0	D!D17080

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17080
RCEP D	2024	2024	0	D!F17080
RCEP D	2025	2025	0	D!G17080
RCEP D	2026	2026	0	D!H17080
RCEP D	2027	2027	0	D!I17080
RCEP E	2022	2022	0	E!D17084
RCEP E	2023	2023	0	E!E17084
RCEP E	2024	2024	0	E!F17084
RCEP E	2025	2025	0	E!G17084
RCEP E	2026	2026	0	E!H17084
RCEP E	2027	2027	0	E!I17084
RCEP F	2022	2022	0	F!D17083
RCEP F	2023	2023	0	F!E17083
RCEP F	2024	2024	0	F!F17083
RCEP F	2025	2025	0	F!G17083
RCEP F	2026	2026	0	F!H17083
RCEP F	2027	2027	0	F!I17083
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16023
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16023
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16023
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16023

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)		173/2018/TT-BQP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8802.30 có 2 dòng thuế; dòng 8802.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8802.30.10 Máy bay	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL2: Máy bay, trực thăng, tàu lượn		174/2025/NĐ-CP - PL2	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-002	YELLOW	Chịu thuế tiêu thụ đặc biệt	Cột TTĐB ghi “30”.		66/2025/QH15	Xác định mức thuế TTĐB theo Biểu thuế TTĐB 2026 (Luật 66/2025/QH15).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8802.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8802.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17753), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.